

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 27- 6 - 2024  
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN - TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Đinh Thành Nam.

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Phạm Quốc Tuấn và ông Lê Quốc Định.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên và bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:** Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định thay đổi Kiểm sát viên số 18A/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú hiện nay: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Phạm Thông M, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

3. **Người làm chứng:** Ông Phạm Thanh V, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện, bản khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của chị Nguyễn Thị D, nội dung vụ án như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Thông M lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2004 tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh M tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam.

\* Theo chị Nguyễn Thị D trình bày: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M không chịu khó làm ăn,

thường xuyên đánh đập, hành hạ chị D. Sau đó vợ chồng được gia đình khuyên ngăn nên vợ chồng lại trở lại cuộc sống bình thường. Năm 2017 anh M vi phạm pháp luật đi chấp hành án về tội ma túy. Đến khoảng tháng 6 năm 2021, anh M chấp hành án phạt tù xong, khi về đoàn tụ không được bao lâu (khoảng tháng 7/2021) thì anh M có sử dụng ma túy và tiếp tục đánh đập hành hạ chị, chị không chịu được nên đã đưa cả 02 con đến thành phố P, tỉnh Hà Nam để thuê nhà làm ăn, được hơn 01 tháng thì anh M đến tìm và xin lỗi chị D, chị D đã bỏ qua và về sống cùng anh M. Khi chị D về sống cùng anh M, anh M không thay đổi mà vẫn cứ đánh đập và hành hạ mẹ con chị D. Chị D phải trốn anh M lên Hà Nội làm ăn vào khoảng tháng 8 năm 2021. Đến khoảng cuối tháng 12 năm 2021, chị D không ở Hà Nội nữa mà về nhà mẹ đẻ của mình ở thôn T, xã N, huyện L để làm ăn và sinh sống. Cũng từ thời gian này chị D cũng không quay về sống cùng anh M nữa. Chị D cho rằng từ tháng 8/2021 đến nay vợ chồng chị ly thân, không ai còn quan tâm đến ai, việc ai người đó làm, không liên quan đến công việc của nhau. Đến nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị xin được ly hôn với anh Phạm Thông M.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Thông M có 02 con chung là cháu Phạm Quang C, sinh ngày 31/01/2005, hiện cháu C đang làm công nhân ở khu Công Nghiệp Đ - tỉnh Hà Nam;

Cháu thứ hai là Phạm Quỳnh C1, sinh ngày 04/06/2016. Hiện cháu đang ở với chị D tại Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Trường hợp ly hôn: Chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Phạm Quỳnh C1 và chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Đối với cháu Phạm Quang C đã trên 18 tuổi, đã đi làm, tự lo cho bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Vợ chồng không có con nuôi, không có con riêng, hiện chị D không mang thai nên chị D không yêu cầu toà án giải quyết.

- *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác*: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

\* Ý kiến của anh Phạm Thông M trình bày tại phiên toà:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau là hoàn toàn toàn hợp pháp. Quá trình chung sống, anh M và chị D phát sinh mâu thuẫn như chị D trình bày là đúng. Hiện anh M không còn sử dụng ma túy nữa, nay chị D xin ly hôn anh, anh M mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Trường hợp ly hôn, anh M đề nghị:

+ *Về con chung*: Anh Phạm Thông M và chị Nguyễn Thị D có 02 con chung là cháu Phạm Quang C, sinh ngày 31/01/2005, hiện cháu C đang làm công nhân ở khu Công Nghiệp Đ - tỉnh Hà Nam; cháu đã trên 18 tuổi, đã đi làm, tự lo cho bản thân, không yêu cầu giải quyết.

Cháu thứ hai là Phạm Quỳnh C1, sinh ngày 04/06/2016. Hiện cháu đang ở với chị D tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Anh M có nguyện nuôi dưỡng cháu Quỳnh C1, anh M cũng không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Vợ chồng không có con nuôi, không có con riêng, hiện chị D có mang thai không thì anh M không rõ nên anh M không yêu cầu toà án giải quyết.

+ *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác*: Anh Phạm Thông M không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

- Theo ý kiến của ông Phạm Thanh V (bố đẻ anh Phạm Thông M) lưu tại hồ sơ: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Thông M lấy nhau hoàn toàn tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2004. Đến năm 2017, anh M vướng vào tệ nạn xã hội và phải đi chấp hành án phạt tù về tội ma túy. Khi chấp hành xong án phạt tù, anh M trở về địa phương, vợ chồng chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Thông M chung sống với nhau được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau nhiều lần. Chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình tại thôn T, xã N, huyện L sinh sống từ năm 2021 đến nay. Nay chị D xin ly hôn anh M, ông đề nghị Toà án hoà giải để vợ chồng về với nhau để nuôi dạy con cái, bảo ban nhau làm ăn. Gia đình ông đã nhận được các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý và các giấy triệu tập,... của Tòa án), ông và gia đình đã thông báo và giao các giấy tờ này cho anh M, nhưng vì lý do công việc nên anh M không đến Tòa án làm việc được.

Tòa án đã triệu tập anh Phạm Thông M đến Tòa án làm việc, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh M vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Thông M.

+ *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị D có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Quỳnh C1, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Phạm Quang C đã trên 18 tuổi, đã đi làm, tự lo cho bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Vợ chồng không có con nuôi, không có con riêng, hiện chị D không mang thai nên chị D không yêu cầu toà án giải quyết.

+ *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác*: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Thông M có quan điểm như sau: Anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Trường hợp ly hôn, anh M đề nghị:

+ *Về con chung*: anh Phạm Thông M và chị Nguyễn Thị D có 02 con chung là cháu Phạm Quang C, sinh ngày 31/01/2005, hiện cháu C đang làm công nhân ở khu Công Nghiệp Đ - tỉnh Hà Nam; cháu đã trên 18 tuổi, đã đi làm, tự lo cho bản thân, không yêu cầu giải quyết.

Cháu thứ hai là Phạm Quỳnh C1, sinh ngày 04/06/2016. Hiện cháu đang ở với chị D tại Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Quỳnh C1, anh M không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Vợ chồng không có con nuôi, không có con riêng, hiện chị D có mang thai không thì anh không rõ, nên anh M không yêu cầu toà án giải quyết.

+ Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Anh Phạm Thông M không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn, anh Phạm Thông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại các phiên họp, hoà giải.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Thông M; về con chung: Giao cháu Phạm Quỳnh C1 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu C1 đủ 18 tuổi, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác: do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Thông M là hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hoà thuận cho đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, sau đó vợ chồng lại trở lại cuộc sống bình thường. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào 7/2021, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh M không chịu lao động, vi phạm pháp luật về ma túy và hành hạ, đánh đập chị D. Từ tháng 8/2021 đến nay chị D và anh M sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên giải quyết cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Thông M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Thông M có 02 con chung là cháu Phạm Quang C, sinh ngày 31/01/2005, hiện cháu C đang làm công nhân ở khu Công Nghiệp Đ - tỉnh Hà Nam; đã lao động tự lập các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi cháu C.

Đối với cháu Phạm Quỳnh C1, sinh ngày 04/06/2016. Hiện cháu đang ở với chị D tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Chị D và anh M đều có

nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Quỳnh C1. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Xét nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Phạm Quỳnh C1 của chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Thông M là chính đáng. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu C1 vẫn ở với chị D, cháu C1 khoẻ mạnh, phát triển tốt và có cuộc sống ổn định. Mặt khác cháu C1 có nguyện vọng ở với chị D. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu C1 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị D không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với cháu Phạm Quang C, sinh ngày 31/01/2005, hiện đã trên 18 tuổi, lao động, tự lập. Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Thông M.

2. Về con chung:

Giao cháu Phạm Quỳnh C1, sinh ngày 04/06/2016 cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu Phạm Quỳnh C1 đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập; anh Phạm Thông M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị D.

Đối với cháu Phạm Quang C, sinh ngày 31/01/2005, hiện đã trên 18 tuổi, lao động, tự lập. Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi cháu C nên không đặt ra xem xét giải quyết.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng*

*các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

**3. Về án phí sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị D đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0000913 ngày 08/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân.

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Thông M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Lý Nhân;
- UBND xã Nguyên Lý;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đinh Thành Nam**